

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 794 ngày 14 tháng 8 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế-Luật)

- Tên chương trình: **Cử nhân Kinh tế**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Tài chính-Ngân hàng – Mã ngành: 52.34.02.01**
Chuyên ngành: **Tài chính**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chủ nhiệm ngành: **TS. Nguyễn Anh Phong**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- ✓ Đào tạo Cử nhân kinh tế ngành tài chính-ngân hàng, chuyên ngành Tài chính nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, về tài chính – ngân hàng và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp;
- ✓ Có phẩm chất đạo đức, khả năng tư duy tốt và có đầy đủ các kỹ năng cần thiết nhằm tự phát triển và vận dụng kiến thức được học để nghiên cứu, phân tích, hoạch định, giải quyết vấn đề, ra quyết định phục vụ cho công việc tác nghiệp, lãnh đạo, quản lý hiệu quả trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

Tài chính-ngân hàng là lĩnh vực chuyên môn rộng trên cả hai hướng tài chính doanh nghiệp và ngân hàng vì vậy quá trình đào tạo nhắm đến mục tiêu trang bị kiến thức chung về ngành tài chính-ngân hàng bao quát và tổng hợp cả hai hướng đã nêu thông qua các môn học khối kiến thức chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành chính). Để sinh viên ra trường có thể dễ dàng thích ứng với môi trường công việc chuyên sâu, chương trình đào tạo trang bị một số kiến thức chuyên môn sâu về tài chính doanh nghiệp.



1.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo chuyên ngành tài chính là nhằm đảm bảo cho sinh viên có được nền tảng kiến thức cơ bản vững vàng về kinh tế và kiến thức chuyên môn về tài chính doanh nghiệp tốt, kỹ năng tư duy nhạy bén, kỹ năng thực hành thành thạo, thái độ ứng xử chuyên nghiệp và nhiều cơ hội làm việc ở các tổ chức tài chính-ngân hàng hàng đầu, đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra sau đây:

1.2.1. Kiến thức chung về kinh tế-xã hội (A)

A1. Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng;

A2. Thể hiện hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học xã hội làm nền tảng phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức của ngành tài chính-ngân hàng.

1.2.2. Kiến thức chuyên môn sâu về tài chính (B)

B1. Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về thị trường tài chính, đầu tư tài chính, quản trị tài chính;

B2. Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tài khóa, chính sách công, quản lý ngân sách nhà nước;

B3. Thể hiện đủ kiến thức để hệ thống hóa, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết về chính sách tiền tệ, ngân hàng trung ương, quản trị các trung gian tài chính.

1.2.3. Kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ tài chính bao gồm cả kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong chuyên ngành tài (C)

C1. Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, hoạch định và giải quyết vấn đề liên quan đến chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ;

C2. Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công, quản lý chi tiêu công;

C3. Thể hiện kỹ năng thực hành, sử dụng tốt công nghệ và công cụ để tác nghiệp, giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng, quản trị các trung gian tài chính phi ngân hàng và quản trị tài chính các loại hình doanh nghiệp để trở thành chuyên gia ở các vị trí: phân tích tài chính, phân tích

đầu tư, phân tích chứng khoán, phân tích tín dụng, quản lý danh mục đầu tư, quản lý nguồn vốn, ngân hàng quốc tế.

1.2.4. Kỹ năng tư duy sáng tạo và khả năng nghiên cứu (D)

- D1. Thể hiện kỹ năng tìm kiếm, thu thập số liệu, dữ liệu và sử dụng thành thạo các công cụ để nghiên cứu, tính toán, phân tích nhận diện vấn đề, tổng hợp, đánh giá, giải quyết vấn đề và ra quyết định;
- D2. Thể hiện khả năng tổng hợp, hệ thống hóa mang tính logic cao và phát triển vấn đề, hoạch định, tổ chức công việc chuyên môn mang tính sáng tạo;
- D3. Thể hiện khả năng làm việc độc lập và tư duy phản biện khoa học thực chứng;
- D4. Thể hiện khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả.

1.2.5. Kỹ năng giao tiếp (E)

- E1. Thể hiện kỹ năng diễn giải vấn đề bằng văn nói và văn viết thành thạo bằng tiếng Việt;
- E2. Thể hiện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành (TOEIC 500);
- E3. Thể hiện kỹ năng thuyết trình hiệu quả trước đám đông;
- E4. Thể hiện kỹ năng đàm phán.

1.2.6. Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác (F)

- F1. Thể hiện kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tin;
- F2. Thể hiện kỹ năng đặt mục tiêu và tạo động lực làm việc;
- F3. Thể hiện kỹ năng lãnh đạo;
- F4. Thể hiện kỹ năng lắng nghe với tư duy phản biện;
- F5. Thể hiện kỹ năng ứng xử và tạo lập quan hệ;
- F6. Thể hiện tinh thần hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm.

1.2.7. Trách nhiệm cá nhân và cộng đồng (G)

- G1. Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, biết lựa chọn các nội dung mang tính đạo đức để trau dồi học tập và phát triển bản thân;
- G2. Thể hiện tinh thần và ý thức trách nhiệm tham gia vào các hoạt động xã hội mang tính cộng đồng trên phạm vi quốc gia, khu vực và toàn cầu;
- G3. Thể hiện khả năng nhận biết và tham gia giải quyết các vấn đề mang tính cộng đồng, xã hội;

G4. Thể hiện ý thức và trách nhiệm tham gia tích cực vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí lực.

1.2.8. Khả năng hội nhập (H)

H1. Thể hiện khả năng sống và làm việc trong môi trường có khác biệt về quan điểm chính trị, tôn giáo, văn hóa, tư tưởng;

H2. Thể hiện khả năng thích nghi tốt với môi trường mới, sự biến động của môi trường sống và làm việc.

1.2.9. Khả năng học tập suốt đời (I)

I1. Thể hiện kỹ năng học, tự học và nghiên cứu;

I2. Thể hiện tinh thần ham học hỏi và có khả năng sử dụng công nghệ mới;

I3. Thể hiện kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp (vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp)

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Tài chính-Ngân hàng, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong ngành tài chính-ngân hàng.

Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng để làm ở chuyên ngành tài chính (ngân hàng đầu tư, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty bảo hiểm, doanh nghiệp phi tài chính, cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư, .v.v.); và cũng có khả năng làm việc ở ngân hàng (các tổ chức tài chính quốc tế như IMF, WB, ADB, ngân hàng thương mại, công ty cho thuê tài chính, công ty mua bán nợ, .v.v.) với các vị trí công việc chuyên môn đa dạng từ nhà môi giới, phân tích chứng khoán, phân tích đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư, quản lý tài chính ở doanh nghiệp phi tài chính, quản lý tín dụng, quản lý nguồn vốn, kinh doanh ngoại tệ, quản lý ngân quỹ, quản lý thuế, .v.v. cho đến các vị trí cao cấp như chiến lược gia tài chính, nhà hoạch định chính sách tài khóa, hoạch định chính sách tiền tệ và quản lý vĩ mô, quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên ngành và các cơ quan nghiên cứu khác có liên quan.

1.4. Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học

CHUẨN ĐÀU RA	T T	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			A 1	A 2	B 1	B 2	B 3	C 1	C 2	C 3	D 1	D 2	D 3	D 4	E 1	E 2	E 3	E 4	F 1	F 2	F 3	F 4	F 5	F 6	G 1	G 2	G 3	
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	3	3	4	4	4	4	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
						3	3	4	4	4	4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Học kỳ 1	Bắt buộc 16 TC	1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MácLê nin	5			3						3		3															3	
		2	Toán cao cấp	5		3																									
		3	Kinh tế vi mô 1	3			3																								
		4	Lý luận nhà nước và pháp luật	3			3																						3		
	Tự chọn 2 TC	5	Tâm lý học đại cương	2			3														3										
		6	Nhập môn ngành tài chính-	2				3	3	3																					

			ngân hàng																				
		7	Nhập môn khoa học giao tiếp	2			3					3			3	3		3					
Học kỳ 2	Bắt buộc 14 TC	1	Lý thuyết xác suất	2		2																	
		2	Quản trị học căn bản	3											3				3				
		3	Kinh tế vĩ mô 1	3			3																
		4	Nguyên lý kế toán	3			3																
		5	Luật doanh nghiệp	3			3																
	Tự chọn 2TC	6	Địa chính trị thế giới	2			3																
		7	Quan hệ quốc tế	2			3								3	3						3	



	Tự chọn 2TC	8	Xã hội học	2				3									3		3	3				
		9	Văn hóa học	2				3												3				
Học kỳ 3	Bắt buộc 15 TC	1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3				3															3	
		2	Nguyên lý thị trường tài chính	3				3	3	3														
		3	Thống kê ứng dụng	3				3																
		4	Marketi ng căn bản	3				3												3	3			
		5	Kế toán tài chính	3				3	3															
	Tự chọn 3	6	Tin học ứng dụng	3				3																



		hàng																																										
		5	Quản trị tài chính	3				4				4																					4	3										
		6	Quản trị chiến lược	3										4		4																												
		7	Thuế	3				4			4																																	
Học kỳ 5	Bắt buộc 16 TC	1	Quản trị tài chính nâng cao	3				4				4									3										4													
		2	Ngân hàng thương mại	3						4	4																								3									
		3	Tài chính công	3					4			4																										4	4					
		4	Phân tích chứng khoán	3					4				4																															
		5	Tài chính định lượng	2									4			4																												
		6	Tài chính	2					4																												4	4						

		cá nhân																																	
Học kỳ 6	Bắt buộc c 12 TC	1	Ngân hàng đầu tư	3							4																								
		2	Phân tích tài chính theo tình huống	3								4																			4				
		3	Đầu tư tài chính	3								4	4	4	4									3								4			
		4	Tài chính quốc tế	3									4	4										3											
	Tự chọn 6 TC	5	Quản trị ngân hàng	3										4	4																				
		6	Đạo đức trong kinh doanh TCNH	3																													4	4	4
		7	Kiểm toán	3																													4		
Học kỳ 7	Bắt buộc c 6 TC	1	Quản trị rủi ro tài chính	3							4																								

Học kỳ 8	Tự chọn 6 TC	2	Tài chính hành vi	3						4				4																		
		3	Bảo hiểm	3						4	4		4	4																		
		4	Kế toán ngân hàng	3							4		4	4																		
		5	Thẩm định dự án đầu tư	3												4	4			4	4											
		1	Thực tập tốt nghiệp	4															4	4	4		4									
Học kỳ 8	Bắt buộc 10 TC	2	Chuyên đề chuyên sâu 1	3								4																				
		3	Chuyên đề chuyên sâu 2	3						4			4																			
		4	Khóa luận tốt nghiệp	6												4	4				4		4									

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ** (chưa bao gồm phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất). Cụ thể:

- ✓ Kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ
- ✓ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ
 - Kiến thức cơ sở ngành: 25 tín chỉ
 - Kiến thức ngành chính: 52 tín chỉ
 - Thực tập và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Ngoài ra, phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất cụ thể như sau:

- Khối kiến thức ngoại ngữ (tiếng Anh thương mại): 20 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục thể chất: 5 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục quốc phòng: 11 tín chỉ.

4. Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện dưới đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Luật theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất chương trình đào tạo và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc các môn chuyên đề tốt nghiệp tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Điểm rèn luyện đạt quy định theo Quy chế học sinh sinh viên;



- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và hoàn thành các môn học điều kiện theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường Đại học Kinh tế - Luật;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

6. Thang điểm:

Điểm môn học tính theo thang điểm 10 làm tròn đến 0,5 điểm;

Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa là điểm trung bình trọng số của tất cả các môn học (không tính ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất) được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 43 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
I		Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng HCM	10			
		<i>Môn học bắt buộc: 10 TC</i>				
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5	0	
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
II		Khoa học xã hội: 4 TC	4			
		<i>Môn học tự chọn: 4TC</i>				
1	GEN1105	Văn hóa học	2	2	0	
2	GEN1106	Xã hội học	2	2	0	
3	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2	0	
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2	0	
III		Nhân văn – Kỹ năng: 4 TC	4			
		<i>Môn học tự chọn: 4 TC</i>				

1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2	0	
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2	0	
3	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	
4	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2	0	
5	FIN1308	Nhập môn ngành Tài chính-Ngân hàng	2	2	0	
IV		Khoa học pháp lý: 3 TC	3			
		<i>Môn học bắt buộc: 3 TC</i>				
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3	0	
V		Toán và KHTN: 11TC	10			
		<i>Môn bắt buộc: 07 TC</i>				
1	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5	0	
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2	0	
		<i>Môn tự chọn: 03 TC</i>				
1	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1	
2	GEN1107	Logic học	3	3	0	
3	MAT1004	Kinh tế lượng	3	2	1	
VI		Khoa học Kinh tế	12			
		<i>Môn bắt buộc: 12 TC</i>				
1	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0	
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3	0	
VII		Ngoại ngữ	20			
VIII		GDTC & GDQP				
1	GEN1004/5	GDTC (GT 01/GT 02)	5			
2	GEN1006	GDQP (4 tuần)	165 tiết			

7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ

7.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 25 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc	25			
1	MAT1003	Thông kê ứng dụng	3	2	1	
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3	0	
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3	0	
4	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2	0	
5	BUS 1200	Marketing căn bản	3	2	1	
6	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2	0	
7	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3	0	
8	BUS1105	Quản trị chiến lược	3	3	0	
9	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3	0	

7.2.2. Khối kiến thức ngành chính: 53 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc	40			
1	FIN1102	Quản trị tài chính	3	3	0	
2	FIN1107	Tài chính định lượng	2	2	0	
3	FIN1104	Thuế	3	3	0	
4	FIN1103	Tài chính công	3	3	0	
5	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3	0	
6	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3	0	
7	FIN1204	Ngân hàng đầu tư	3	3	0	
8	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3	0	
9	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3	0	
10	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3	0	
11	FIN1108	Phân tích tài chính theo tình	3	1	2	

		huống				
12	FIN1110	Tài chính hành vi	3	3	0	
13	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3	0	
14	FIN1111	Tài chính cá nhân	2	2	0	
		Môn tự chọn	12			
1	FIN1301	Đạo đức trong kinh doanh TCNH	3	3	0	
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3	0	
3	ACC1603	Kiểm toán	3	3	0	
4	FIN1113	Bảo hiểm	3	3	0	
5	FIN1205	Kế toán ngân hàng	3	3	0	
6		Quản trị dự án	3	3	0	

7.2.3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 4 TC	4			
1	FIN1305	Thực tập cuối khóa	4	0	4	
		Môn tự chọn: 6 TC	6			
1	FIN1304	Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0	
2	FIN1302	Chuyên đề chuyên sâu 1 (Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	3	3	0	
	FIN1303	Chuyên đề chuyên sâu 2 (Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)	3	3	0	

7.2.4. Khối kiến thức ngoại ngữ: 20 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
-----	-------	---------	---------	----------------------

							LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ I: 18 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3	0		
2	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3	0		
3	GEN1001	Những NLCB của chủ nghĩa MácLênin	5	5	0		
4	MAT1001	Toán cao cấp	5	5	0		
		Môn học tự chọn	2	2	0		
		Chọn 1 trong 3 môn					
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2	0		
7	FIN1308	Nhập môn ngành Tài chính- Ngân hàng	2	2	0		
8	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3				

Học kỳ II: 18 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1002	Kinh tế học vĩ mô 1	3	3	0		

2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3	0		
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3	0		
4	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3	0		
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2	0		MAT1001
		Môn học tự chọn	4	4	0		
		Chọn 1 trong 2 môn					
6	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2	0		
7	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2	0		
		Chọn 1 trong 2 môn					
8	GEN1106	Xã hội học	2	2	0		
9	GEN1105	Văn hoá học	2	2	0		
10	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2				
11	GEN1006	Giáo dục quốc phòng (4 tuần)	8				

Học kỳ III: 20 tín chỉ

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng g	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1200	Marketing căn bản	3	3	0		
2	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3	0		ECO1002
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3	0		MAT1001 MAT1002
4	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0		
5	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3	0		
		Môn học tự chọn	5	4	1		
		Chọn 1 trong 3 môn					
6	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1		
7	MAT1004	Kinh tế lượng (lich học được bố trí vào học kỳ 4)	3	2	1		MAT1001 MAT1002 MAT1003

8	GEN1107	Logic học	3	3	0		
		Chọn 1 trong 2 môn					
9	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0		
10	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2	0		

Học kỳ IV: 18 tín chỉ

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1102	Quản trị tài chính	3	3	0		FIN1101
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0		
3	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2	0		
4	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	2	0		
5	FIN1201	Tiền tệ-Ngân hàng	3	3	0		
6	BUS1105	Quản trị chiến lược	3	3	0		
7	FIN1104	Thuế	3	3	0		ACC1013

Học kỳ V: 16 tín chỉ

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1103	Tài chính công	3	3	0		FIN1101
2	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3	0		FIN1201
3	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3	0		FIN1102
4	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3	0		FIN 1101
5	FIN1107	Tài chính định lượng HK4	2	2	0		MAT1003
6	FIN1111	Tài chính cá nhân HK7	2	2	0		

Học kỳ VI: 18 tín chỉ

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Điều kiện tiên
----	-------	-------------	------------	----------------

						quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1204	Ngân hàng đầu tư	3	3	0		
2	FIN1108	Phân tích tài chính theo tình huống	3	1	2		FIN1102
3	FIN1105	Đầu tư tài chính <i>HK7</i>	3	3	0		FIN1102
4	FIN1202	Tài chính quốc tế	3	3	0		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6	6	0		
		<i>Chọn 2 trong 3 môn</i>					
5	<i>FIN1301</i>	<i>Đạo đức trong kinh doanh TCNH</i>	3	3	0		
6	<i>FIN1207</i>	<i>Quản trị ngân hàng</i>	3	3	0		<i>FIN1201</i>
7	<i>ACC1603</i>	<i>Kiểm toán</i>	3	3	0		<i>ACC1013</i>

Học kỳ VII: 12 tín chỉ / 18 tín chỉ

Đối với SV học chuyên đề: 18 tín chỉ

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1112	Quản trị rủi ro tài chính	3	3	0		FIN1102
2	FIN1110	Tài chính hành vi <i>HK6</i>	3	3	0		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6	6	0		
		<i>Chọn 2 trong 3 môn</i>					
3	<i>FIN1113</i>	<i>Bảo hiểm</i>	3	3	0		
4	<i>FIN1205</i>	<i>Kế toán ngân hàng</i>	3	3	0		<i>FIN1203</i>
5		<i>Thẩm định dự án đầu tư</i>	3	3	0		
		Chuyên đề tốt nghiệp (dành cho SV không làm khoá luận)					
6	FIN1302	Chuyên đề chuyên sâu 1	3	3	0		
7	FIN1303	Chuyên đề chuyên sâu 2	3	3	0		

Học kỳ VIII: 4 tín chỉ / 10 tín chỉ

Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận: 4 TC

Đối với SV làm khóa luận TN: 10 TC

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1305	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4		FIN1102
2	FIN1304	Khoá luận tốt nghiệp (dành cho SV làm khoá luận)	6	6	0		